

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-6-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;
2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/4/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; thường trú: 409-A12, khu 5 T, phường Y, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; tạm trú: 71 đường N2 - TTTMST - đường N2, khu phố A, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn Th, sinh năm 1969; thường trú: 409-A12, khu 5 T, phường Y, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; tạm trú: 71 đường N2 - TTTMST - đường N2, khu phố A, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

(Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn Th có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn Th tự nguyện chung sống từ năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 156, quyển số 01/2002 cấp ngày 19/6/2002. Sau khi kết hôn, chị T và anh Th sinh sống tại thành phố Vũng

Tàu, đến năm 2009 thì chuyển về sinh sống tại thành phố D, tỉnh Bình Dương. Chị T làm nghề kinh doanh bất động sản, kinh doanh quán cà phê, thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng; anh Th làm công nhân dầu khí tại thành phố Vũng Tàu, thu nhập hàng tháng khoảng 25.000.000 đồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Chị T và anh Th đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Văn Th.

Về con chung: Chị T và anh Th có hai con chung là cháu Đoàn Đức T2, sinh ngày 01/02/2003 và cháu Đoàn Đức M, sinh ngày 30/12/2008. Sau ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng, tổng cộng 4.000.000 đồng/tháng/02 con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hai bên không cùng chí hướng trong công việc làm ăn, anh Th không hỗ trợ cho chị T đầu tư, kinh doanh, anh Th đi làm xa nhà, ít quan tâm chia sẻ cùng chị T, có lần anh Th đánh chị T trong lúc vợ chồng cãi nhau; trong sinh hoạt quan hệ vợ chồng thì anh Th là người khô khan, không quan tâm đến cảm xúc của chị T, mỗi lần về nhà anh Th chỉ thích đánh đàn, chị T sống cam chịu sự cô đơn trong thời gian dài nên cương quyết muốn ly hôn với anh Th. Về con chung: Chị T đồng ý giao hai con chung Đoàn Đức T2 và Đoàn Đức M cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con thì chị T cũng thống nhất.

- *Tại bản tự khai ngày 04/5/2020, bị đơn anh Đoàn Văn Th trình bày:* Thống nhất với lời khai của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn và nơi sinh sống của vợ chồng sau khi kết hôn. Anh Th làm công nhân dàn khoan dầu khí tại thành phố V, thu nhập mỗi tháng khoảng 30.000.000 đồng. Quá trình chung sống giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, chủ yếu do anh Th đi làm xa, không thường xuyên ở nhà cùng vợ con. Vì đặc thù công việc của anh Th phải đi tàu ở biển khoảng một tháng mới về một lần. Tuy nhiên, anh Th vẫn luôn hoàn thành trách nhiệm của người chồng, người cha. Trong lúc anh Th đi làm xa, chị T gặp khó khăn thì có một người đàn ông khác giúp đỡ, chị T đã nảy sinh tình cảm với người đàn ông đó nên muốn ly hôn với anh Th. Anh Th thực sự muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh Th và chị T có hai con chung là Đoàn Đức T2, sinh ngày 01/02/2003 và Đoàn Đức M, sinh ngày 31/12/2008. Do không đồng ý ly hôn nên anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Đoàn Văn Th cho rằng giữa vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, nguyên nhân một phần do chị T là người rất nóng tính, lúc cãi nhau chị T đập phá cây đàn mà anh Th yêu quý nhất. Trong việc đầu tư kinh doanh thì anh Th cũng có hỗ trợ, chia sẻ cùng chị T, không có việc anh Th đánh chị T. Năm 2019 anh Th bị tai nạn nên sức khỏe yếu đi, anh Th vẫn còn tình cảm với chị T và mong muốn vợ chồng đoàn tụ xây dựng gia đình nên không đồng ý ly hôn.

- Ngày 24/4/2020, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn Th tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường D và được cung cấp như sau: Hội Liên hiệp phụ nữ phường D không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn Th. Đồng thời Hội Liên hiệp phụ nữ phường D cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ giữa hai anh chị có mâu thuẫn như thế nào, vấn đề con chung, công việc và thu nhập Hội Liên hiệp phụ nữ phường D cũng không biết nên không cung cấp được thông tin cho Tòa án.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 156, quyền số 01/2002 cấp ngày 19/6/2002 đúng với quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị T cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Về phía bị đơn anh Th cho rằng nguyên nhân do chị T nóng tính, anh Th đi làm xa, không có thời gian gần gũi chăm sóc cho vợ và các con. Anh Th vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Thực tế, anh Th thường xuyên đi công tác xa, vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc, tin tưởng. Anh Th không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy mâu thuẫn trong hôn nhân giữa các bên là có thật, điều này được thể hiện qua lời khai tại phiên tòa của chị T, anh Th và cũng

được các con chung trình bày tại bản tự khai về việc chị T, anh Th thường xuyên cãi nhau. Tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, anh Th và chị T có hai con chung là Đoàn Đức T2, sinh ngày 01/02/2003 và Đoàn Đức M, sinh ngày 31/12/2008. Anh Th có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Tại phiên tòa, chị T thống nhất đồng ý giao hai con cho anh Th nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Nghĩa vụ nuôi con là của cả cha lẫn mẹ, khi ly hôn, người không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Th tự nguyện không yêu cầu chị T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[4] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đối với bị đơn anh Đoàn Văn Th về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đoàn Văn Th (Giấy chứng nhận kết hôn số 156, quyển số 01/2002, ngày 19/6/2002 do Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp).

- Về con chung: Giao con chung Đoàn Đức T2, sinh ngày 01/02/2003 và Đoàn Đức M, sinh ngày 30/12/2008 cho anh Đoàn Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đoàn Văn Th về việc không yêu cầu chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, anh Đoàn Văn Th không được cản trở chị Nguyễn Thị T thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0040099 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Trang